UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 574 /QĐ-SGDĐT	*Ninh Thuận, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2020

Căn cứ Quyết định số 83/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp năm 2020 của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo *(theo các phụ lục)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - GĐ; PGĐ Sở - Lưu: VT, P. KHTC (NVP).	**GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Huệ Khải**

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

Phụ lục kèm theo Quyết định số 574/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm	Thực hiện so với DT giao (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**319.760.957.322**		**304.164.303.723**	**95,12%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**319.760.957.322**		**304.164.303.723**	**95,12%**
1	**Chi quản lý hành chính**	**10.709.198.431**		**10.277.610.761**	**95,97%**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.243.444.181		7.243.444.181	100,00%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.465.754.250		3.034.166.580	87,55%
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy**	**309.051.758.891**		**293.886.692.962**	**95,09%**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	160.793.355.576		153.394.434.816	95,40%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	148.258.403.315		140.492.258.146	94,76%